TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 29 tháng 4 năm 2020
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Mạnh Hùng và ông Nguyễn Đình Quý;
- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên Tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị H**, sinh năm 1998

Nơi ĐKNKTT: Xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Ch, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

(*có đơn xin xét xử vắng mặt*);

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H*: Ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ. *(có mặt)*

2. Bị đơn: **Anh Đinh Trọng Đ**, sinh năm 1992 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 19/9/2016, chị và anh Đinh Trọng Đ đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu. Sau khi kết hôn, anh chị ở chung với gia đình anh Đ tại xóm C, xã M. Hai bên chung sống hạnh phúc được khoảng 02 (hai) năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp và thấu hiểu với nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không khắc phục được. Do đó, năm 2018, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm C, xã M để sinh sống.

Vợ chồng chị đã ly thân kể từ thời điểm đó cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhận không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là cháu Đinh Trung H1, sinh ngày 06/02/2017, cháu đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không yêu cầu anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về phía bị đơn anh Đinh Trọng Đ: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ đều vắng mặt. Đến ngày 20/4/2020, anh Đ có mặt tại Tòa án, trong bản tự khai cùng ngày anh Đ đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ xác nhận thời điểm kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng có con chung như chị H trình bày là đúng. Khi vợ chồng ly hôn, anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị H; cho chị H được ly hôn anh Đinh Trọng Đ. Giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu H1 đến khi thành niên, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị H và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Đinh Trung H1, sinh ngày 06/02/2017 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin ly hôn với anh Đinh Trọng Đ.

Căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ, tuy nhiên anh Đ vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Đ vắng mặt lần thứ 02 (hai) không có lý do. Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 19/9/2016, chị H và anh Đ đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Thuận, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tự nguyện tìm hiểu, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị ở chung với gia đình anh Đ tại xóm C, xã M. Hai bên chung sống hạnh phúc được khoảng 02 (hai) năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Năm 2018, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm C, xã M để sinh sống. Kể từ thời điểm đó đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Phía anh Đ, tại Bản tự khai ngày 20/4/2020 anh cũng đồng ý ly hôn chị H. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/4/2020, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là xin ly hôn anh Đ.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị có 01 (một) con chung là cháu Đinh Trung H1, sinh ngày 06/02/2017. Khi ly hôn, cả anh Đ, chị H cùng xin được nuôi cháu Hiếu và không yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Việc xin nuôi con của anh Đ, chị H là chính đáng, phù hợp với quy phạm đạo đức và quy định của pháp luật. Anh Đ, chị H đều có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1 đến khi thành niên. Tuy nhiên, hiện cháu H1 còn nhỏ, kể từ khi vợ chồng ly thân cháu H1 sinh sống ổn định cùng với chị H. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể nơi anh chị H và anh Đ cư trú đều thống nhất quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi chị H, anh Đ có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị H, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi chị H, anh Đ có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh Đ và chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục kèm theo của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Đinh Trọng Đ.
2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Đinh Trung H1, sinh ngày 06/02/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

   Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở.
3. *Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2010/001287 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.
5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Hoàng Thị H và anh Đinh Trọng Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện T;
- UBND xã M;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

- Lưu: HSVA.

Nguyễn Thị Hồng Mai